

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2013

THÔNG TƯ

Bổ sung Phụ lục của Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Hoa tiêu hàng hải và Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Hoa tiêu hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư bổ sung Phụ lục của Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 1. Bổ sung Phụ lục của Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

1. Bổ sung vào Bảng 1. "Mã hiệu và khoảng cách các tuyến luồng hoa tiêu dẫn tàu" từ số thứ tự 99 đến số thứ tự 110 tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung vào Bảng 2. "Khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy cho từng tuyến luồng dẫn tàu" từ số thứ tự 83 đến số thứ tự 92 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Bổ sung vào Bảng 3. "Khoảng cách hoạt động của phương tiện bộ cho từng tuyến dẫn tàu" từ số thứ tự 84 đến số thứ tự 96 tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

4. Bổ sung vào Bảng 4. "Định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy đưa, đón hoa tiêu dẫn tàu" tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này như sau:

- a) Bổ sung vào Mục I số thứ tự 19;
- b) Bổ sung vào Mục II số thứ tự từ 14 đến số thứ tự 17.

5. Bổ sung vào Bảng 5. "Định mức tiêu hao nhiên liệu và dầu bôi trơn cho phương tiện bộ đưa, đón hoa tiêu dẫn tàu" số thứ tự 30 và số thứ tự 31 tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này.

6. Bổ sung vào Bảng 7. "Định mức thời gian công nghệ hoa tiêu dẫn tàu" từ tuyến 99 đến tuyến 110 tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục I

**BỔ SUNG VÀO BẢNG 1. MÃ HIỆU VÀ KHOẢNG CÁCH CÁC TUYẾN
LUỒNG HOA TIÊU DẪN TÀU CỦA PHỤ LỤC ĐỊNH MỨC KINH TẾ -
KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HOA TIÊU HÀNG HẢI BAN HÀNH
KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 69/2011/TT-BGTVT NGÀY 30 THÁNG 12
NĂM 2011 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2013/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TT	Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu (và ngược lại)	Mã tuyến luồng dẫn tàu	Khoảng cách dẫn tàu (hải lý)
99	Vũng Tàu - Vietsovpetro, PTSC	T99	11
100	Vũng Tàu - Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard, Hà Lộc	T100	14
101	Vũng Tàu - Vùng neo Gành Ráy	T101	06
102	Dịch chuyển tàu tại các cảng trên luồng Sông Dinh	T102	04
103	Vũng Tàu - VeDan, Gò Dầu A, Phosphat Long Thành, Bến tổng hợp số 2, UNICQUE Gas, Gò Dầu B, Cẩm phả	T103	27
104	Vũng Tàu - Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, CLINKER HOLCIM, SITV, BariaSerece, Đạm và dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Phú Mỹ PTSC, Nhà máy thép Phú Mỹ, SP-PSA	T104	22
105	Vũng Tàu - Posco, Interflour, PV Gas, Petec	T105	18
106	Vũng Tàu - Xăng dầu, Hưng Thái, Quốc tế Cái Mép (CMIT), SSIT	T106	16
107	Vũng Tàu - Gò Da	T107	22
108	Dịch chuyển tàu tại các cảng luồng Cái Mép - Thị Vải	T108	05
109	Phao 0 - Côn Đảo	T109	06
110	Vũng Tàu - Biên giới Vĩnh Xương	T110	145

Phụ lục II
BỔ SUNG VÀO BẢNG 2. KHOẢNG CÁCH HOẠT ĐỘNG
CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY CHO TÙNG TUYẾN LUỒNG DẪN TÀU
CỦA PHỤ LỤC ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
HOA TIÊU HÀNG HẢI BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ
SỐ 69/2011/TT-BGTVT NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2013/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
83	Tuyến 99	Cầu Đá - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
84	Tuyến 100	Cầu Đá - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
85	Tuyến 101	Cầu Đá - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
86	Tuyến 103	Cầu Đá - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
87	Tuyến 104	Cầu Đá - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
88	Tuyến 105	Cầu Đá - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
89	Tuyến 106	Cầu Đá - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
90	Tuyến 107	Cảng Côn Đảo - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
		Cầu Đá - Gò Da	22
91	Tuyến 109	Cảng Côn Đảo - Phao số 0	06
92	Tuyến 110	Cầu Đá - Phao 0	05
		Cầu Đá - Phao 1, 3, 5, 7	04
		Cầu Đá - Gành Ráy	06
		Trạm HT Vĩnh Xương - Khu neo	01

Phụ lục III
BỔ SUNG VÀO BẢNG 3. KHOẢNG CÁCH HOẠT ĐỘNG
CỦA PHƯƠNG TIỆN BỘ CHO TỪNG TUYẾN DẪN TÀU CỦA PHỤ LỤC
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HOA TIÊU
HÀNG HẢI BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 69/2011/TT-BGTVT
NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2013/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách đi và về (km)
84	Tuyến 99	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Vietsopetro, PTSC	18
85	Tuyến 100	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Shipyard, Cảng Hà Lộc	34
86	Tuyến 101	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Cầu Đá	02
87	Tuyến 102	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Các cảng luồng Sông Dinh	34
88	Tuyến 103	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Vedan, Gò Dầu B	120
89	Tuyến 104	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - NM nhiệt điện Phú Mỹ, SP-PSA	110
90	Tuyến 105	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Posco, Petec	106
91	Tuyến 106	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Xăng dầu, SSIT	100
92	Tuyến 107	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Gò Da	106
93	Tuyến 108	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Các cảng luồng Cái Mép - Thị Vải	120
94	Tuyến 109	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Sân bay Tân Sơn Nhất	250
		Sân bay Côn Đảo - Cảng Côn Đảo	40
95	Tuyến 110	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Cửa khẩu Vĩnh Xương (An Giang)	680
96	Tuyến dẫn tàu (T99, T100, T101, T103, T104, T105, T106, T110)	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Cảng Cầu Đá	2